

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 41 /GPMT-UBND

Yên Bái, ngày 12 tháng 01 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành quy định một số nội dung trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Yên Bái;

Xét đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái tại Văn bản số 01/CV-HSYB ngày 07 tháng 9 năm 2022 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Nhà máy vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái tại thôn Đồng Danh, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (giai đoạn 1) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Yên Bái tại Tờ trình số 621/TTr-STNMT ngày 26 tháng 12 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái, địa chỉ tại thôn Đồng Danh, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái (giai đoạn 1) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái (giai đoạn 1).

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Đồng Danh, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5200870602, đăng ký lần đầu ngày 06/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 02/04/2018 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

1.4. Mã số thuế: 5200870602.

1.5. Loại hình sản xuất: Nhà máy sản xuất ống thép

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Diện tích nhà máy là 87.283,2 m².

- Quy mô, công suất: 60.000 tấn ống thép mạ kẽm các loại/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả bụi, khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 04 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Thực hiện yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 05 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của đơn vị được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép. Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước (Gia hạn lần 1) số 2381/GP-UBND ngày 29/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương, Giám đốc Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Minh Quân, huyện Trấn Yên và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép số **41** /GPMT-UBND ngày **12** tháng **01** năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Trong quá trình hoạt động của Nhà máy tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân là 45,6 m³/ngày đêm. Thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu trong nước thải là: Chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (tổng Nitơ (N), tổng Phốt pho (P)) và các vi sinh vật...

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nguồn tiếp nhận nước thải của Nhà máy là hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ tại thôn Đồng Danh, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải nước thải của Nhà máy: Hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ.

- Tọa độ xả nước thải sinh hoạt (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104⁰45' múi chiều 3⁰): X: 2394757; Y: 514393.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Lưu lượng xả nước thải lớn nhất là 45,6 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 1,9 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý được xả thải theo phương thức tự chảy, theo đường ống PVC D800 ra hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Chảy liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Toàn bộ nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (K=1,2), với các thông số như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT (hệ số K=1,2)
1	pH	-	5 - 9

2	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)	mg/l	60
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	1.200
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
6	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
7	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	12
8	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	12
11	Tổng Coliform	MPN/ 100 mL	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

I. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử nước thải

1.1.1. Nước mưa chảy tràn

- Hệ thống thoát nước được thiết kế theo nguyên tắc tự chảy.
- Nước mưa trên mái nhà được thu theo đường ống PVC 90 sau đó được dẫn về hệ thống thoát nước chung của Nhà máy.
- Nước mưa tại mặt bằng của Nhà máy: Được thu gom vào hệ thống thoát nước xây bằng bê tông cốt thép D400-D600, dọc hệ thống bố trí khoảng 40 hố ga (kích thước 1 m x 1 m, khoảng cách giữa các hố ga khoảng 20 m - 60 m) để lắng cặn.
- Nước mưa chảy tràn sau khi được thu về hệ thống thoát nước chung của Nhà máy chảy ra ngoài môi trường qua 02 cửa xả.

+ Đối với lượng nước mưa trên mái nhà và nước mưa tại mặt bằng của khu vực công nhà máy, nhà xe, trạm cân, căng tin và văn phòng chính sau khi thu gom được thoát theo hướng thoát nước phía Nam về cửa xả số 01 bằng đường ống D600 dài khoảng 25,54 m. Sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ.

+ Đối với nước mưa trên mái và nước mưa tại mặt bằng của khu vực kho công cụ, dụng cụ đến các khu vực nằm ở phía Bắc Nhà máy sau khi thu gom được thoát theo hướng cửa số 02 bằng đường ống D800 dài khoảng 26,70 m. Sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ.

1.1.2. Nước thải sinh hoạt

- Nước thải phát sinh từ 05 khu vực (gồm nước thải nhà vệ sinh tại: khu vực văn phòng, trạm cân, nhà lưu trú, gần hệ thống xử lý nước thải tập trung, căng tin và nước thải tại khu vực nhà ăn) của Nhà máy được thu gom về bể tự hoại (Bố trí 05 bể tự hoại dung tích mỗi bể 15 m³; kích thước mỗi bể: dài x rộng

x sâu = 3 m x 2,5 m x 2m) sau đó theo đường ống PVC $\Phi 114$ thu về hồ thu gom nước thải (dung tích 1m^3 , kích thước: 1 m x 1 m x 1m) và dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải phát sinh từ tắm rửa, lau sàn được thu gom và theo đường ống PVC D42 về hồ thu gom nước thải sau đó dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

Toàn bộ nước thải sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ qua cống thoát nước chảy ra hệ thống thoát nước chung của đường Âu Cơ tại thôn Đồng Danh, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

1.1.3. Nước làm mát: Nhà máy có sử dụng dầu Lactuca để làm mát tại các công đoạn hàn cao tần, bào đường hàn, phun kẽm đường hàn và định hình sản phẩm tại dây chuyền sản xuất ống thép. Toàn bộ lượng dầu lactuca sau khi làm mát được thu gom về hệ thống thu gom xử lý nước làm mát bằng đường ống UPVC D350 (chiều dài mỗi ống khoảng 40 m) sau đó tuần hoàn tái sử dụng không thải ra ngoài môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Toàn bộ nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải tập trung cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Thông số thiết kế
1	Hồ thu gom	- Kích thước: 1 m x 1 m x 1 m
2	Bể điều hòa	- Kích thước: 2 m x 2,6 m x 3,06 m
3	Bể thiếu khí	- Kích thước: 3 m x 1 m x 3,06 m
4	Bể hiếu khí	- Kích thước: 3 m x 2 m x 3,06 m
5	Bể lắng sinh học	- Kích thước: 1,6 m x 1,6 m x 3,06 m
6	Bể lọc cát, than	- Kích thước: 1,308 m x 0,8 m x 3,06 m
7	Bể khử trùng	- Kích thước: 1,308 m x 0,8 m x 3,06 m
8	Bể chứa bùn	- Kích thước: 1 m x 2,6 m x 3,06 m

Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: Toàn bộ nước thải sau khi được thu gom về hồ thu gom theo đường ống dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất $60\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ gồm: bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí, bể lắng sinh học, bể lọc. Cuối cùng được dẫn về bể khử trùng có sử dụng Javen trước khi thải ra ngoài môi trường. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được bơm về bể chứa bùn sau đó thuê đơn vị có năng lực để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số $K=1,2$).

- Nước làm mát: Toàn bộ lượng dầu lactuca sau khi được sử dụng để làm mát tại các công đoạn của dây chuyền sản xuất ống thép được thu gom về hệ thống thu gom xử lý nước làm mát sau đó tuần hoàn tái sử dụng không thải ra ngoài môi trường. Thông số kỹ thuật của hệ thống thu gom xử lý nước làm mát cụ thể như sau:

STT	Hạng mục	Thông số thiết kế
1	Bể thu hồi	- Dung tích 48,41 m ³ - Kích thước 3,48 x 2,6 x 5,35m
2	Bể chứa	- Dung tích 28,93 m ³ , - Kích thước 2,08 x 2,6 x 5,35m
3	Tháp giải nhiệt	- Lưu lượng tuần hoàn: 2.925 lít/phút - Nhiệt độ nước nóng vào tháp: 37 ⁰ C - Nhiệt độ nước sau giải nhiệt: 32 ⁰ C
4	Máy lọc	- Kích thước: 900W x 2.200L x 1.200H - Vật liệu: Thép CT3 bọc inox 304, dày 1mm

Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: Dầu làm mát (lactuca) sau khi làm mát được thu gom về bể thu hồi thông qua hệ thống thu gom sau đó qua tháp giải nhiệt để giảm nhiệt độ và máy lọc để lọc các tạp chất rồi chảy về bể chứa để tuần hoàn quay trở lại dây chuyền sản xuất. Định kỳ 02 - 03 năm lượng dầu làm mát này được thải loại và thay mới, lưu kho chất thải nguy hại (CTNH) và thuê đơn vị có năng lực vận chuyển, xử lý theo quy định.

1.3. Biện pháp, công trình ứng phó sự cố: Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống thu gom, xử lý nước thải; bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống đảm bảo vận hành không bị quá tải.

II. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, nước mưa chảy tràn tại Nhà máy đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả ra ngoài môi trường.

- Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ cơ sở với tần suất 03 tháng/01 lần theo quy định.

PHỤ LỤC 02:
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ BỤI, KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải: Trong quá trình sản xuất, Nhà máy phát sinh bụi tại các công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm của 06 dây chuyền sản xuất ống thép.

2. Dòng khí thải, vị trí xả bụi, khí thải

2.1. Vị trí xả bụi, khí thải: Tại xưởng sản xuất ống thép của Nhà máy vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái (Giai đoạn 1) - Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng Hoa Sen Yên Bái tại thôn Đồng Danh, xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái:

- Vị trí số 01: Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 01. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_1: 2394841; Y_1: 514433$.

- Vị trí số 02: Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 02. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_2: 2394842; Y_2: 514434$.

- Vị trí số 03: Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 03. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_3: 2394843; Y_3: 514435$.

- Vị trí số 04: Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 04. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_4: 2394844; Y_4: 514436$.

- Vị trí số 05: Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 05. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_5: 2394845; Y_5: 514437$.

- Vị trí số 06: Tại cửa thoát khí sau xử lý của hệ thống máy hút bụi tại dây chuyền sản xuất ống thép số 06. Tọa độ vị trí xả bụi, khí thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$ múi chiếu 3°): $X_6: 2394846; Y_6: 514438$.

2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất

- Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất là của mỗi hệ thống là $86.400 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm, tương đương khoảng $3.600 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1 Phương thức xả khí thải: Bụi, khí thải sau khi được xử lý qua cửa thoát khí của hệ thống máy hút bụi thải ra môi trường (xả liên tục).

2.2.2 Chất lượng khí thải trước khi xả thải vào môi trường phải bảo đảm

đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

Toàn bộ lượng bụi và khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ ($K_p=1, K_v=1,2$), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT ($C_{max}, K_p=1, K_v=1,2$)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	240
2	Kẽm và hợp chất (tính theo Zn)	mg/Nm ³	36

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI

I. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom và công trình, thiết bị xử bụi, khí thải: Tại công đoạn bào đường hàn và cắt sản phẩm của mỗi dây chuyền sản xuất ống thép mạ kẽm bố trí các ống hút kết nối với máy hút bụi nhờ quạt hút (*công suất 4kW*), khi đi qua lõi lọc và màng lọc bụi được giữ lại và không khí sạch được đưa ra ngoài.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Bụi sau khi hút được thu gom qua ống hút về hệ thống máy hút bụi Kích thước là 2100 mm x 710 mm gồm 12 lõi lọc bụi, kích thước mỗi lõi lọc bụi kẽm phi 155 mm x 650 mm. Bụi sau đó rơi xuống ngăn chứa bụi và khí sạch được thoát ra ngoài môi trường qua cửa thoát khí.

1.3. Biện pháp, công trình ứng phó sự cố: Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải; bảo dưỡng, bảo trì định kỳ hệ thống đảm bảo vận hành không bị quá tải.

II. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý bụi, khí thải của Nhà máy đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này, đảm bảo các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Trang bị các loại bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong nhà xưởng như quần áo bảo hộ lao động, khẩu trang hoạt tính, kính hàn và mặt nạ hàn,...

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc để hoạt động tốt, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng giảm tiếng ồn.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

- Thực hiện quan trắc định kỳ chất lượng môi trường không khí tại cơ sở với tần suất 03 tháng/01 lần theo quy định.

PHỤ LỤC 03:
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Trong quá trình sản xuất, Nhà máy phát sinh tiếng ồn, độ rung từ các công đoạn sản xuất trong đó chủ yếu tại công đoạn bào đường hàn và công đoạn cắt sản phẩm của dây chuyền sản xuất ống thép.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Vị trí tọa độ khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục $104^{\circ} 45'$ múi chiếu 3°):

STT	Vị trí tọa độ khu vực phát sinh tiếng ồn, độ rung	
	X	Y
1	2394890	514421
2	2394783	514531
3	2394724	514468
4	2394833	514356

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với tiếng ồn, độ rung, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

- Bảo đảm theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	3 tháng/lần	Khu vực thông thường

- Bảo đảm theo QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc:

TT	Thời gian tiếp xúc trong 8 giờ	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	85	-	Tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp

3.2. Độ rung

- Bảo đảm theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	3 tháng/lần	Khu vực thông thường

- Bảo đảm theo QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc:

TT	Mức gia tốc rung cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	1,4m/s ²	-	Thời gian tiếp xúc 480 phút

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng tường bao xung quanh khu vực Nhà máy.
- Trang bị các loại bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong nhà xưởng như nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ, khẩu trang,...
- Các máy móc vận hành theo đúng công suất thiết kế và thường xuyên kiểm tra, giám sát, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo hoạt động tốt trong suốt quá trình.
- Lập nội quy ra/vào khu vực dự án, hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.
- Trồng cây xanh trong khuôn viên Nhà máy.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục A phụ lục này và theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia với tiếng ồn, độ rung, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 24/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 27/2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

PHỤ LỤC 04:
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ
ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

I. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu là bao bì kim loại thải, bùn thải, pin ác quy chì thải, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải,... với khối lượng trung bình khoảng 24.954 kg/năm, cụ thể như sau:

TT	Chất thải nguy hại	Mã CTNH	Lượng CTNH (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	06
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	04
3	Bao bì kim loại cứng thải	18 01 02	1.153
4	Bùn thải có các thành phần nguy hại	07 03 07	9.014
5	Pin, ác quy chì thải	19 06 01	274
6	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (kể cả vật liệu lọc dầu), giẻ lau, vải bảo vệ nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	2.497
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	213
8	Chất thải lẫn dầu từ quá trình xử lý nước làm mát	05 01 02	11.740
9	Que hàn có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 01	04
10	Các thiết bị điện, điện tử	16 01 13	49
Tổng khối lượng (kg/năm)			24.954

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường: Dăm bào phát sinh trong công đoạn bào đường hàn với khối lượng khoảng 153,71 kg/ngày, tương đương 3.996,46 kg/tháng.

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh chủ yếu là thức ăn, rau, củ quả thừa, túi ni lông, hộp xốp, chai nhựa, giấy carton,... với khối lượng trung bình khoảng 240 kg/ngày.

II. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH)

- Thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại: Bố trí 10 thùng chứa CTNH dung tích 100l để thu gom và lưu chứa chất thải nguy hại.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại: Bố trí kho chứa CTNH diện tích khoảng 193 m² (kích thước 15 m x 12,87 m). Kết cấu móng, nền bê tông, tường bao xung quanh kho xây bằng gạch đặc vữa xi măng mác 75, mái lợp tôn.

- Chủ cơ sở có trách nhiệm thuê đơn vị có đủ năng lực để vận chuyển xử lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường: Toàn bộ dầm bảo phát sinh trong công đoạn bào đường hàn được thu gom, lưu trong kho chất thải rắn công nghiệp thông thường diện tích khoảng 387 m² (kích thước 30 m x 12,87m) và bán cho các đơn vị có nhu cầu sử dụng.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 40 thùng chứa rác thải dung tích 100 lít đặt tại các khu vực văn phòng, căng tin, đường nội bộ,... Cuối ngày được thu gom về điểm tập kết rác thải sinh hoạt tại công nhà máy. Định kỳ, 1 lần/ngày thuê đơn vị thu gom xử lý rác thải sinh hoạt để thu gom, vận chuyển đi xử lý.

B. PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thường xuyên kiểm tra theo dõi hoạt động của hệ thống xử lý nước thải. Định kỳ duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải đảm bảo hệ thống hoạt động không bị quá tải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải chưa đáp ứng được yêu cầu hoạt động và không xả nước thải chưa được xử lý nước thải ra ngoài môi trường.

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy.

- Các loại chất thải nguy hại phải được phân loại, để đúng vào các thùng chứa được dán nhãn, mác, mã số quản lý chất thải nguy hại; kho chứa chất thải nguy hại phải đảm bảo theo quy định. Định kỳ thuê đơn vị có đầy đủ chức năng để vận chuyển, xử lý đảm bảo theo quy định.

PHỤ LỤC 05:
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường được cấp phép; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu cụ thể sau:

1. Thường xuyên vận hành công trình xử lý chất thải và phải xử lý đảm bảo các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường trước khi thải ra ngoài môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất tại Nhà máy.
2. Thực hiện quản lý các loại chất thải phát sinh trong quá trình sản xuất của Nhà máy đảm bảo theo quy định.
3. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Thực hiện nghiêm Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo.
5. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với Nhà máy.
6. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Nhà máy khi được yêu cầu./.